

Số: 1982 /QĐ-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 9 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

**Điều 2.** Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm cập nhật các thủ tục hành chính mới chuẩn hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm công bố công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử của đơn vị; triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm cập nhật các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 4.** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Ủy

ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế có trách nhiệm xây dựng quy trình giải quyết các thủ tục hành chính này theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (gửi qua mạng);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (gửi qua mạng);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSVX.

**Nguyễn Dung**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA**  
**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1982 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Tên VBQPPL quy định TTHC</b>
1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	40 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		
3	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	20 ngày làm việc		
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	40 ngày làm việc		
5	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20 ngày làm việc		
6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	45 ngày làm việc		
7	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		
8	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	40 ngày làm việc		
9	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	15 ngày làm việc		
10	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	40 ngày làm việc		
11	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc		
12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc		
13	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	40 ngày làm việc		
14	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	20 ngày làm việc		

15	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.	
16	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	15 ngày làm việc			
17	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc			
18	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	35 ngày làm việc			
19	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	30 ngày làm việc			
20	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	30 ngày làm việc			
21	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	35 ngày làm việc			
22	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	10 ngày làm việc			
23	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở	15 ngày làm việc			- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT
24	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	15 ngày làm việc			- Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT; - Nghị định số 20/2014/NĐ-CP
25	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	15 ngày làm việc			- Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT
26	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	40 ngày làm việc			- Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT
27	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công	30 ngày làm việc			- Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT

	lập			
28	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập	30 ngày làm việc		
29	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	02 ngày làm việc	Trung tâm hành chính công cấp huyện	- Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT
30	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	02 ngày làm việc	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2003/TT-BGDĐT
31	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	02 ngày làm việc		Thông tư số 17/2003/TT-BGDĐT
32	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	05 ngày làm việc	Trường Tiểu học cơ sở	Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT; - Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT
33	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	25 ngày làm việc	Trung tâm hành chính công cấp huyện	- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP
34	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi	65 ngày làm việc		- Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV
35	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi	63 ngày làm việc		- Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC